

Bản án số: 85/2020/HS-PT
Ngày: 29/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thiện

Bà Trương Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 53/2020/TLPT-HS, ngày 10 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Lê Công T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Lê Công T, Lê Xuân H, Lê Xuân H1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2020/HS-ST ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Lê Công T**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 18 tháng 01 năm 1967; quê quán: xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; trú quán: Thôn 1 T, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay: Thôn 2 T, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 07/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Xuân T1(*Đã chết*) và bà Lê Thị X(*Đã chết*); có vợ Nguyễn Thị Xuân và 03 con. Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 09/12/2019 cho đến nay. (*Có mặt*)

2. **Lê Xuân H**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 18 tháng 8 năm 1985; quê quán: xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; trú quán và chỗ ở hiện nay: Thôn 2 T, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Xuân N và bà Nguyễn Thị H; có vợ Lê Thị H và 03 con. Tiền án: Không; tiền sự: Bị cáo Lê Xuân H bị Công an thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 460, ngày 03/7/2019, với mức phạt tiền

1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; Bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 15/11/2019 đến ngày 21/11/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. *(Có mặt)*

3. Lê Xuân H1; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 10 tháng 3 năm 1992; quê quán: xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; trú quán và chỗ ở hiện nay: Thôn 2 T, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 04/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Xuân N và bà Nguyễn Thị H; có vợ Phạm Thị A và 02 con . Tiền án: Không; Tiền sự: Bị cáo Lê Xuân H1 bị Công an thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 461, ngày 03/7/2019 với mức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; Bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 15/11/2019 đến ngày 21/11/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. *(Có mặt)*

- Các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. Lê Xuân D; sinh ngày 10 tháng 6 năm 1996; quê quán: xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; trú quán và chỗ ở hiện nay: Thôn 2 T, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do;

2. Trần Văn T; sinh ngày 29 tháng 8 năm 1992; quê quán: xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; Trú quán và chỗ ở hiện nay: Thôn 2 T, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

- Bị hại không có kháng cáo: Công ty TNHH L; Địa chỉ: xã Thanh A, Huyện T, tỉnh N; đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn A- Giám đốc.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo:

1. Bà Chu Thị T; sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn H xã K Thị xã K, Hà Tĩnh.

2. Ông Lê Xuân N; sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn 2 T, xã K Thị xã K, Hà Tĩnh.

2. Ông Dương Minh X; Sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố T, Phường K, Thị xã K, Hà Tĩnh.

3. Bà Lê Thị H; Sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn 2 T, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người làm chứng:

Ông: Trần Văn T; sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn 2 T, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18h, ngày 04/11/2019, trong khi làm bảo vệ công trình đang thi công của Công ty P, ở khu vực cầu cảng S, cảng S, Tộc xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh biết được công ty TNHH L đang thi công công trình tại cầu cảng cảng S, cảng S có một số sắt thép để ở công trường nhưng không có bảo vệ trông coi nên Lê Công T gọi điện thoại cho Lê Xuân H đến để lấy trộm. Sau khi nhận được điện thoại của Lê Công T, Lê Xuân H đến nhà rủ Lê Xuân D và gọi điện thoại cho Lê Xuân H1 rủ đi lấy trộm và Lê Xuân D gọi điện thoại rủ Trần Văn T cùng đi lấy trộm. Đến khoảng 20h cùng ngày, Trần Văn T đi xe mô tô BKS: 38H5- 6807 (xe mượn của bố vợ là ông Dương Minh X trước đó để đi làm) kéo theo 01 chiếc xe kéo đến nhà Lê Xuân D, để xe mô tô lại, rồi cùng với Lê Xuân H, Lê Xuân D đẩy xe kéo ra bờ biển thôn T, xã K. Khi đến bờ biển thì Lê Xuân H1 chạy Tyền đến (Tyền mượn của bố là ông Lê Xuân N trước đó để đi canh xà lan) và chở Lê Xuân H, Lê Xuân D và Trần Văn T đi đến cầu cảng S, cảng S. Đến 21h cùng ngày, khi ra đến cầu cảng, H1 neo Tyền bên cạnh cầu cảng, rồi cả bốn người đi lên cầu cảng thì gặp Lê Công T và được Lê Công T chỉ đến khu vực bãi vật tư của công ty L để lấy trộm tài sản, còn Lê Công T đi về công ty mình đang bảo vệ. Lê Xuân H, Lê Xuân H1, Lê Xuân D và Trần Văn T đẩy xe kéo đến bãi vật tư của công ty L lấy trộm 46 thanh thép chữ U, rồi đưa xuống cát dầu dưới biển, sát cầu cảng. Tiếp đến, Lê Xuân H, Lê Xuân H1, Lê Xuân D và Trần Văn T quay lại khu vực bãi vật tư của công ty L, Lê Xuân H dùng mỏ lết phá cửa TH1 Container, để cùng với Lê Xuân H1, Lê Xuân D và Trần Văn T lấy trộm 01 chiếc máy hàn; 01 chiếc máy mài; 02 vỏ bình ga; 02 khối sắt hình chữ H; 04 bình oxy; một số bao tải đựng ốc, vít bằng kim loại và 01 chiếc pa lăng xích kéo tay ở trong Container, rồi bỏ lên xe kéo đẩy ra chỗ Tyền neo đậu. Quá trình đẩy xe kéo thì bị mắc kẹt, nên Lê Công T đi đến và đẩy xe kéo cùng với H, H1, D và T. Sau khi ra đến Tyền thì Lê Xuân H, Lê Xuân H1, Lê Xuân D và Trần Văn T bốc tài sản trộm cắp được lên Tyền, còn 46 thanh thép chữ U vẫn cát dầu dưới biển để hôm sau đến lấy, rồi chạy về bờ biển ở thôn T, xã K. Trên đường về, Trần Văn T gọi điện cho chị Chu Thị T, ở thôn Hải Phong, xã K, thị xã K để bán số tài sản lấy trộm được. Khi về đến nơi, Lê Xuân H, Lê Xuân D và Trần Văn T bốc tài sản trộm cắp được từ Tyền lên bờ, rồi Lê Xuân H1 chạy Tyền về xà lan của mình. Sau khi bốc số tài sản trộm cắp lên bờ thì chị Chu Thị T đến và Lê Xuân H, Lê Xuân D và Trần Văn T đã bán cho chị T 02 khối sắt chữ H, 04 bình oxy; 234 ốc kim loại và 01 pa lăng xích kéo tay, với giá 7.500.000 đồng, còn 01 chiếc máy hàn, 02 chiếc vỏ bình ga và 01 chiếc máy mài được Lê Xuân D và Trần Văn T mang về nhà cất giấu. Khi bán tài sản trộm cắp cho chị T, do sắt bị dính bùn đất và Lê Xuân H nói dối là sắt lặn mò được dưới biển nên chị T không biết tài sản do trộm cắp mà có. Sau khi bán được tài sản, Lê Xuân H, Lê Xuân H1, Lê Xuân D, Trần Văn T thống nhất chia cho mỗi người 1.500.000

đồng. Đến trưa ngày 13/11/2019, Lê Công T đến nhà Lê Xuân H lấy số tiền 1.500.000 đồng. Sau khi biết sự việc bị phát hiện, ngày 15/11/2019, Lê Xuân H, Lê Xuân H1, Lê Xuân D và Trần Văn T đến Công an thị xã K đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tài sản mà các bị cáo trộm cắp gồm 46 thanh thép chữ U; 01 chiếc máy hàn; 01 chiếc máy mài; 02 chiếc võ bình ga; 02 khối sắt hình chữ H; 04 bình oxy; 234 ốc kim loại các loại và 01 pa lăng xích kéo tay của Công ty TNHH L. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã K thì số tài sản trên của Công ty TNHH L bị Lê Xuân H, Lê Xuân H1, Lê Xuân D, Trần Văn T và Lê Công T trộm cắp tổng trị giá 47.036.950 đồng.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã xét xử:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm b, Điểm i, Điểm s, Điểm t Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Bộ luật Hình sự năm 2015; đối với Lê Công T.

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm b, Điểm i, Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Bộ luật Hình sự năm 2015; đối với Lê Xuân H, Lê Xuân H1.

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm b, Điểm i, Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Bộ luật Hình sự năm 2015; đối với Lê Xuân D và Trần Văn T.

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Tuyên bố các bị cáo: Lê Công T, Lê Xuân H, Lê Xuân H1, Lê Xuân D và Trần Văn T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Lê Công T 19 (mười chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Bị cáo Lê Xuân H 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Nhưng bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/11/2019 đến ngày 21/11/2019.

- Bị cáo Lê Xuân H1 17 (mười bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Nhưng bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/11/2019 đến ngày 21/11/2019.

- Bị cáo Lê Xuân D 16 (mười sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 32 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Xuân D cho Ủy ban nhân dân thị xã K, Thị xã K, Tỉnh Hà Tĩnh giám sát giáo dục trong thời

gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

-Bị cáo Trần Văn T 15(*mười lăm*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30(*ba mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã K, Thị xã K, Tỉnh Hà Tĩnh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/02/2020, bị cáo Lê Công T kháng cáo với nội dung: Bị cáo cho rằng bị cáo không phải là người khởi xướng trong vụ án; bị cáo chỉ nói với bị cáo Lê Xuân H là sắt vụn mà sắt vụn bị cáo H bán là 7.500.000 đồng còn số tài sản các bị cáo khác trộm bị cáo không biết nên bị cáo phải chịu toàn bộ tổng số tài sản trong vụ án là không đúng; bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 28/02/2020, bị cáo Lê Xuân H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 28/02/2020, bị cáo Lê Xuân H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Công T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Các bị cáo Lê Xuân H, Lê Xuân H1 xin rút đơn kháng cáo với lý do các bị cáo nhận thấy bản án sơ thẩm xử đúng người, đúng tội và mức hình phạt như vậy là phù hợp.

Kiểm sát viên thực hành quyền công T xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 342 và khoản 1 Điều 348, việc rút kháng cáo của các bị cáo Lê Xuân H1, Lê Xuân H là tự nguyện nên đình chỉ xét xử đối với các bị cáo Lê Xuân H1, Lê Xuân H. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật T tụng hình sự, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo Lê Công T, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo. Sửa bản án sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Công T, Lê Xuân H và Lê Xuân H1 đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở để xác định: Khoảng 18h, ngày 04/11/2019, trong khi đang

làm bảo vệ tại khu vực cầu cảng S, cảng S, Tộc xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, Lê Công T thấy có số sắt thép để ở bãi vật tư của Công ty TNHH L không có bảo vệ trông coi nên đã gọi điện thoại cho Lê Xuân H lên để lấy trộm. Sau khi nghe điện thoại, Lê Xuân H rủ Lê Xuân H1, Lê Xuân D và Trần Văn T đi lấy trộm tài sản. Đến 21 giờ cùng ngày, Lê Xuân H, Lê Xuân H1, Lê Xuân D và Trần Văn T đi Tyên ra đến cầu cảng S, cảng S và được Lê Công T chỉ vị trí bãi vật tư của công ty L để lấy trộm. Lê Xuân H, Lê Xuân H1, Lê Xuân D và Trần Văn T đã lấy trộm 46 thanh thép chữ U đưa xuống cất giấu dưới biển và cắt phá cửa Container lấy trộm 01 chiếc máy hàn; 01 chiếc máy mài; 02 chiếc võ bình ga; 02 khối sắt hình chữ H; 04 bình oxy; 234 chiếc ốc kim loại các loại và 01 chiếc pa lăng xích kéo tay, với tổng trị giá tài sản là 47.036.950 đồng. Sau khi lấy trộm được tài sản, Lê Xuân H, Lê Xuân H1, Lê Xuân D và Trần Văn T dùng Tyên chở về bãi biển thôn T, xã K, thị xã K và bán cho chị Chu Thị T 02 khối sắt chữ H, 04 bình oxy; 234 ốc kim loại các loại và 01 pa lăng xích kéo tay được 7.500.000 đồng và chia cho mỗi người 1.500.000 đồng để chi tiêu; còn 01 chiếc máy hàn, 02 chiếc võ bình ga và 01 chiếc máy mài Lê Xuân D và Trần Văn T đưa về nhà cất giấu và 46 thanh thép chữ U vẫn cất giấu dưới biển để hôm sau vớt lên đưa đi tiêu thụ, nhưng chưa kịp tiêu thụ thì bị phát hiện. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Các bị cáo Lê Xuân H, Lê Xuân H1 có kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo có đơn xin rút đơn kháng cáo. Xét việc rút đơn của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Lê Xuân H, Lê Xuân H1.

[2.1] Đối với bị cáo Lê Công T: Trong vụ án này, bị cáo là người khởi xướng và là người chủ động điện thoại cho Lê Xuân H vào cảng S để trộm cắp tài sản nhưng bị cáo chỉ tham gia với vai trò giúp sức đẩy xe và lấy một phần tiền sau khi bán được tài sản là 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo đã có thành tích trong việc vận động nhân dân giải phóng mặt bằng và di dời tái định cư dự án xây dựng khu công nghiệp F năm 2010; tham gia công tác đấu tranh phòng chống các loại tội phạm xảy ra trên địa bàn được Đ - bộ đội B xác nhận và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; gia đình luôn chấp hành Tt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước; bị cáo có thời gian dài tham gia quân đội 09 năm, từ năm 1982 – năm 1991. Bên cạnh đó, bị cáo đã cùng các bị cáo khác tự nguyện bồi thường thiệt hại và được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm i, điểm s, điểm t Khoản 1 và Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, để bị cáo cải tạo giáo

dục tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Công T, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức T Án phí, lệ phí Tòa án các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 342 và khoản 1 Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

1, Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Lê Xuân H, Lê Xuân H1.

2, Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo Lê Công T; Sửa bản án sơ thẩm số: 10/2020/HS-ST ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh .

Tuyên bố bị cáo Lê Công T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, Điểm i, Điểm s, Điểm t Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Công T 19 (*mười chín*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 38 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3, Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức T Án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 27 – Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- TA,CA,VKS,THA sơ thẩm;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thương Huyền